

Số 49/KH-THĐ

Quận 12, ngày 01 tháng 10 năm 2022

KẾ HOẠCH THỰC HIỆN CÔNG KHAI TRONG NHÀ TRƯỜNG Năm học 2022 - 2023

Thực hiện Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc “Ban hành quy chế thực hiện công khai đối với các cơ sở giáo dục của hệ thống giáo dục quốc dân”;

Căn cứ kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học 2022 – 2023 và đặc điểm tình hình của nhà trường, trường THCS Trần Hưng Đạo xây dựng kế hoạch công khai thực hiện trong năm học 2022 - 2023 như sau:

I. MỤC ĐÍCH:

- Thực hiện công khai cam kết của nhà trường về chất lượng giáo dục thực tế, về điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục và về thu chi tài chính để người học, các thành viên của nhà trường, xã hội tham gia giám sát và đánh giá nhà trường theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện công khai của nhà trường nhằm nâng cao tính minh bạch, phát huy dân chủ, tăng cường tính tự chủ và tự chịu trách nhiệm của nhà trường trong quản lý nguồn lực và đảm bảo chất lượng giáo dục để xã hội tham gia giám sát và đánh giá theo quy định của pháp luật.

II. NỘI DUNG THỰC HIỆN:

1. Công khai cam kết chất lượng giáo dục và chất lượng giáo dục thực tế:

1.1 Công khai cam kết chất lượng giáo dục:

Điều kiện về đối tượng tuyển sinh vào lớp 6 của nhà trường; chương trình giáo dục mà nhà trường thực hiện; yêu cầu công tác phối hợp giữa nhà trường và gia đình, yêu cầu thái độ học tập của học sinh; các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt cho học sinh ở nhà trường; kết quả đánh giá về từng năng lực, phẩm chất, học tập, sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được; khả năng học tập tiếp tục của học sinh.

1.2. Công khai về chất lượng giáo dục thực tế:

- Sĩ số học sinh trong từng lớp, từng khối lớp, số học sinh nam, nữ từng lớp.
- Kết quả xếp loại học lực, hạnh kiểm của học sinh cuối năm học tính theo từng khối lớp; số học sinh đạt giải trong kỳ thi học sinh giỏi cấp Quận, cấp Thành phố về các bộ môn văn hóa và khoa học, các cuộc thi về văn nghệ, TDTT ...; tỉ lệ học sinh đủ điều kiện và được công nhận tốt nghiệp THCS, đỗ vào lớp 10 hệ công lập.

1.3. Kế hoạch xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia và kết quả đạt được năm 2021.

1.4. Kiểm định chất lượng giáo dục:

Công khai báo cáo đánh giá ngoài, kết quả công nhận đạt hoặc không đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục.

2. Công khai về các điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục:

2.1. Cơ sở vật chất:

Về số lượng và diện tích các phòng học, phòng chức năng, sân chơi bãi tập được tính bình quân trên một học sinh; tổng số thiết bị phục vụ dạy học được tính bình quân trên một lớp; số lượng máy vi tính; khu nhà vệ sinh; nguồn nước sinh hoạt; nguồn điện ánh sáng; kết nối thông tin mạng ADSL, tường rào bảo vệ trường (Theo Biểu mẫu số 11) .

2.2. Đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên:

- Số lượng, chức danh có phân biệt theo hình thức tuyển dụng và trình độ đào tạo, tổng số CB-GV-NV-LĐHĐ (Theo Biểu mẫu số 12).

- Số lượng giáo viên, CBQL và nhân viên được đào tạo, bồi dưỡng; hình thức, nội dung, trình độ và thời gian đào tạo và bồi dưỡng trong năm học và 2 năm tiếp theo.

3. Công khai thu chi tài chính:

3.1. Tình hình tài chính của nhà trường:

- Thực hiện công khai các quỹ có nguồn từ ngân sách nhà nước và các quỹ có nguồn từ các khoản đóng góp của nhân dân theo Quyết định số 192/2004/QĐ-TTg ngày 16 tháng 11 năm 2004 của Thủ tướng Chính phủ. Thực hiện niêm yết các biểu mẫu công khai dự toán, quyết toán thu chi tài chính theo hướng dẫn của Thông tư số 31/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính về ngân sách nhà nước hỗ trợ.

- Các khoản chi theo từng năm học: các khoản chi lương, chi bồi dưỡng chuyên môn, chi hội họp, hội thảo, chi tham quan học tập; mức thu nhập hằng tháng của giáo viên và cán bộ quản lý (mức cao nhất, bình quân và thấp nhất); dự toán kinh phí đầu tư xây dựng, sửa chữa, mua sắm trang thiết bị. dự toán kinh phí hoạt động của trường theo kế hoạch phân bổ qui định ...

- Chính sách và kết quả thực hiện chính sách hằng năm về trợ cấp và miễn, giảm học phí đối với người học thuộc diện được hưởng chính sách xã hội.

- Công khai kết quả thanh, kiểm tra (nếu có).

3.2. Công khai học phí và các khoản thu khác từ người học:

- Công văn số 1505 /BGDĐT-KHTC ngày 16/4/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về đề nghị chỉ đạo và quán triệt thực hiện các khoản thu trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo năm học 2020-2021; 2021-2022 và công tác chỉ đạo điều hành giá;

- Công văn số 3277/ BGDĐT-KHTC ngày 04/8/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về thực hiện chia sẻ khó khăn, hỗ trợ học sinh sinh viên và phụ huynh trong tình hình dịch bệnh Covid-19;

- Công văn số 268/UBND-VX ngày 24/1/2022 của UBND Thành phố Hồ Chí Minh và Công văn số 748/UBND-GDĐT ngày 28/1/2022 của UBND Quận 12 về tổ chức dạy học trực tiếp tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh từ sau Tết Nguyên đán 2022;

- Công văn số 344/SGDĐT-KHTC ngày 11/2/2022 của Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh về tổ chức thực hiện thu học phí và các khoản thu khác năm học 2021-2022 khi tổ chức dạy học trực tiếp tại các cơ sở giáo dục và đào tạo trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

- Công văn số 2468/SGDĐT-KHTC của Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh ngày 15 tháng 7 năm 2022 về tổ chức triển khai thực hiện và thanh quyết toán kinh phí chính sách đặc thù hỗ trợ học phí học kỳ I năm học 2021 – 2022 theo Nghị quyết số

17/2021/NQ-HĐND ngày 19 tháng 10 năm 2021 của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;

- Công văn số 2987/SGDDT-KHTC của Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh ngày 23 tháng 8 năm 2022 về hướng dẫn thu, sử dụng học phí và các khoản thu khác; thực hiện chế độ miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập năm học 2022 – 2023 của các cơ sở giáo dục và đào tạo trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh;

- Quyết định số 4242/QĐ-UBND-TC của Ủy ban nhân dân Quận 12 ngày 11 tháng 8 năm 2022 về việc bổ sung kinh phí hỗ trợ học phí học kỳ I năm học 2021 – 2022 cho các đơn vị giáo dục công lập, ngoài công lập trên địa bàn Quận 12;

- Công văn số 6455/UBND-TC của Ủy ban nhân dân Quận 12 ngày 14 tháng 9 năm 2022 về xây dựng dự toán thu chi ngân sách năm 2023, kế hoạch tài chính – ngân sách 03 năm 2023 – 2025;

3.3. Công khai chính sách học bổng và kết quả thực hiện trong từng năm học.

III. HÌNH THỨC VÀ THỜI ĐIỂM CÔNG KHAI:

1. Hình thức:

- Công khai trên website của trường .
- Niêm yết công khai kết quả kiểm tra tại Văn phòng nhà trường đảm bảo thuận tiện cho cán bộ, giáo viên, nhân viên, cha mẹ học sinh hoặc người học xem xét.
- Công bố công khai trong cuộc họp với cán bộ, giáo viên, nhân viên của nhà trường.
- Công khai trong các hội nghị CMHS trong năm học.

2. Thời điểm công khai:

Công khai vào đầu năm học, sơ kết học kỳ I, khi kết thúc năm học. Bổ sung đảm bảo tính đầy đủ, chính xác và cập nhật khi khai giảng năm học (đầu tháng 9) và khi có thông tin mới hoặc thay đổi.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN VÀ CHẾ ĐỘ BÁO CÁO:

1. Thành lập ban chỉ đạo thực hiện Quy chế công khai:

(Đính kèm Quyết định)

2. Tổ chức thực hiện:

- Trưởng Ban: Tổ chức học tập, quán triệt nội dung Thông tư 36/2017/TT-BGDĐT trong Hội đồng sư phạm nhà trường, chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện các nội dung, hình thức và thời điểm công khai theo quy định. Thực hiện sơ, tổng kết, đánh giá công tác công khai nhằm hoàn thiện và nâng cao hiệu quả công tác quản lý. Tạo điều kiện thuận lợi cho công tác kiểm tra việc thực hiện 3 công khai của nhà trường của các cấp. Phụ trách công khai cam kết chất lượng Gd, các điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục (Biểu mẫu số 09).

- Phó trưởng ban: Triển khai kế hoạch của trường Ban đến từng thành viên, thường xuyên kiểm tra, đôn đốc thành viên Ban chỉ đạo thực hiện nghiêm túc Quy chế và văn bản hướng dẫn thực hiện kế hoạch công khai của Phòng Giáo dục và Đào tạo. Phụ trách công khai kết quả chất lượng giáo dục (Biểu mẫu số 10).

- Thư kí: Phụ trách công khai các văn bản liên quan đến quyền và lợi ích hợp pháp của người lao động.

- Các thành viên (TTCM): Phụ trách công khai các hoạt động của tổ chuyên môn. Thu thập thông tin hoàn thiện các Biểu mẫu 11 và 12.

- Thành viên (kế toán): Phụ trách công khai các văn bản tài chính, thu chi tài chính; lương và các chế độ khác của người lao động và người học.

Yêu cầu các bộ phận trong ban chỉ đạo và toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên nhà trường thực hiện nghiêm túc, báo cáo kịp thời, đúng quy định theo kế hoạch đề ra.

Trên đây là kế hoạch Thực hiện Công khai về chất lượng giáo dục thực tế, điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục và thu chi tài chính năm học 2022 – 2023 của trường THCS Trần Hưng Đạo./.

Nơi nhận:

- Phòng GD-ĐT; (để báo cáo)
- Công khai văn phòng trường;
- Lưu VT.



HIỆU TRƯỞNG

Võ Công Minh

Quận 12, ngày 27 tháng 10 năm 2022

THÔNG BÁO

**Cam kết chất lượng giáo dục của trường trung học cơ sở Trần Hưng Đạo
năm học 2022 – 2023**

STT	Nội dung	Chia theo khối lớp	
		Lớp 6	Lớp 7, 8, 9
I	Điều kiện tuyển sinh.	Học sinh trong độ tuổi quy định đã hoàn thành chương trình cấp Tiểu học trong địa bàn Quận. Học sinh lớp 5 của các trường Tiểu học: Hà Huy Giáp và có hộ khẩu thường trú phường Thạnh Lộc theo danh sách của Phòng Giáo dục và Đào tạo Quận 12.	Hoàn thành lớp 6, 7, 8 được lên lớp 7, 8, 9. Có Hộ khẩu Phường Thạnh Lộc. Hồ sơ hợp lệ theo quy định.
II	Chương trình giáo dục mà cơ sở giáo dục thực hiện.	Dạy theo sách giáo khoa và phân phối chương trình của Bộ Giáo dục quy định.	Dạy theo sách giáo khoa và phân phối chương trình của Bộ Giáo dục quy định.
III	Yêu cầu về phối hợp giữa cơ sở giáo dục và gia đình; Yêu cầu về thái độ học tập của học sinh.	Gia đình phối hợp chặt chẽ với nhà trường thông qua GVCN. Học sinh học tập nghiêm túc, chấp hành nội quy nhà trường. Vâng lời Cha mẹ và thầy cô .	Gia đình phối hợp chặt chẽ với nhà trường thông qua GVCN. Học sinh học tập nghiêm túc, chấp hành nội quy nhà trường. Vâng lời Cha mẹ và thầy cô .
IV	Các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt của học sinh ở cơ sở giáo dục.		
V	Kết quả năng lực, phẩm chất, học tập và sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được.	Năng lực học sinh đạt được mức tối thiểu yêu cầu của xã hội. Học sinh có phẩm chất đạo đức tốt. Rèn luyện sức khỏe cho học sinh thông qua các giờ học thể dục.	Năng lực học sinh đạt được mức tối thiểu yêu cầu của xã hội. Học sinh có phẩm chất đạo đức tốt. Rèn luyện sức khỏe cho học sinh thông qua các giờ học thể dục.

VI	Khả năng học tập tiếp tục của học sinh.	Đào tạo nền móng kiến thức vững chắc cho học sinh cuối năm được lên lớp.	Đào tạo nền móng kiến thức vững chắc cho học sinh cuối năm được lên lớp.
----	---	--	--



HIỆN TRƯỞNG

Võ Công Minh

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 12
TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ
TRẦN HƯNG ĐẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Quận 12, ngày 21 tháng 10 năm 2022

THÔNG BÁO

**Công khai thông tin cơ sở vật chất của trường trung học cơ sở
và trường trung học phổ thông, năm học 2022 – 2023**

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học	40	Số m ² /học sinh
II	Loại phòng học		
1	Phòng học kiên cố	40	
2	Phòng học bán kiên cố		
3	Phòng học tạm		
4	Phòng học nhờ		
5	Số phòng học bộ môn	5	
6	Số phòng học đa chức năng (có phương tiện nghe nhìn)	2	
7	Bình quân lớp/phòng học	1/1	
8	Bình quân học sinh/lớp	43	
III	Số điểm trường	1	
IV	Tổng số diện tích đất (m²)	15980	
V	Tổng diện tích sân chơi, bãi tập (m²)	13300	
VI	Tổng diện tích các phòng		
1	Diện tích phòng học (m ²)	40 m ² /phòng	
2	Diện tích phòng học bộ môn (m ²)	480	
3	Diện tích thư viện (m ²)	160	
4	Diện tích nhà tập đa năng (Phòng giáo dục rèn luyện thể chất) (m ²)	700	
5	Diện tích phòng hoạt động Đoàn Đội, phòng truyền thống (m ²)	50	
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)		

1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định	16	
1.1	Khối lớp 6	4	4/10
1.2	Khối lớp 7	4	4/9
1.3	Khối lớp 8	4	4/9
1.4	Khối lớp 9	4	4/9
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định		
2.1	Khối lớp 6		
2.2	Khối lớp 7		
2.3	Khối lớp 8		
2.4	Khối lớp 9		
3	Khu vườn sinh vật, vườn địa lý (diện tích/thiết bị)		
4	...		
VIII	Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)	90	
IX	Tổng số thiết bị dùng chung khác		Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	40	1/lớp
2	Cát xét	11	
3	Đầu Video/đầu đĩa		
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	4	
5	Thiết bị khác...		
6			

IX	Tổng số thiết bị đang sử dụng	55	Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	40	1/lớp
2	Cát xét	11	
3	Đầu Video/đầu đĩa		
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	4	
5	Thiết bị khác...		

..			
----	-------	--	--

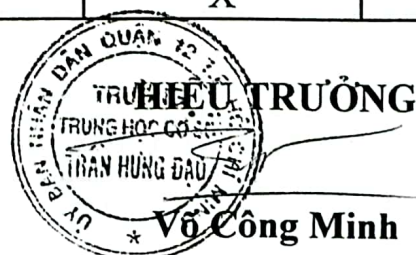
	Nội dung	Số lượng (m ²)
X	Nhà bếp	
XI	Nhà ăn	

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m ²)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú	3 phòng, 302 m ²	300	1.0
XIII	Khu nội trú			

XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /học sinh	
		2	Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	06	20	10/10	330	0.19
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*					

(*Theo Thông tư số 12/2011/TT-BGDĐT ngày 28/2/2011 của Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trung học phổ thông có nhiều cấp học và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu - điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh).

	Nội dung	Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	X	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	X	
XVII	Kết nối internet	X	
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	X	
XIX	Tường rào xây	X	



Quận 12, ngày 17 tháng 10 năm 2022

THÔNG BÁO

Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên của trường trung học cơ sở và trường trung học phổ thông, năm học 2022 – 2023

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo						Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp			
			TS	ThS	ĐH	CD	TC	Dưới TC	Hạng III	Hạng II	Hạng I	Xuất sắc	Khá	Trung bình	Kém
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	92		02	69	4			29	42		71			
I	Giáo viên Trong đó số giáo viên dạy môn:	72													
1	Toán	14			14				5	6		11			
2	Văn	11			12				3	8		11			
3	Ngoại ngữ	9			6	3			3	5		8			
4	Lý	4			3	1			1	3		4			
5	Hóa	3			3				3			3			
6	Sinh	4			4				4	1		5			
7	Sử	5			5				1	3		4			
8	Địa	4			4				1	3		4			
9	GDCD	2			2				1	1		2			
10	Công Nghệ	5			5					4		4			
11	Tin học	3			2	1			1	3		4			

12	Thể dục	6			6				4	1		5			
13	Âm Nhạc	1			1				2			2			
14	Mỹ Thuật	1			1					1		1			
II	Cán bộ quản lý														
1	Hiệu trưởng	1			1							1			
2	Phó hiệu trưởng	2		2								2			
III	Nhân viên	17													
1	Nhân viên văn thư	1					1								
2	Nhân viên kế toán	2			2										
3	Thủ quỹ														
4	Nhân viên y tế	1					1								
5	Nhân viên thư viện	1					1								
6	Nhân viên thiết bị, thí nghiệm				1										
7	Nhân viên hỗ trợ giáo dục người khuyết tật														
8	Nhân viên công nghệ thông tin							1							
9	Nhân viên khác	11			1		1	8							



HIỆU TRƯỞNG

Võ Công Minh